

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM YÊN  
TỈNH TUYÊN QUANG**  
Bản án số: **85/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày 20/5/2021

*“Về việc: Yêu cầu tuyên bố không  
công nhận quan hệ vợ chồng”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Tùng**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Mạc Ngọc Day**.

2. Ông **Vũ Ngọc Lâm**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huệ** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà **Vũ Phương Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2021, về việc *“Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/4/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Ninh Thị P**, sinh năm 1991.

- Bị đơn: Anh **Lý Văn T**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị P, anh T đều vắng mặt tại phiên tòa và  
có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị **Ninh Thị P** trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh **Lý Văn T** chung sống với nhau từ ngày 26/02/2011 đến nay, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Việc chị và anh **T** chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống chị và anh **T** sống hạnh phúc bình thường tại thôn B, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đến tháng 9 năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách giữa chị với anh **T** không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, thi thoảng anh **T** còn đánh chị nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Chị và anh **T** cũng sống

ly thân nhau từ tháng 3 năm 2019 đến nay không ai còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương gì đến nhau nữa. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn giữa chị với anh T đã căng thẳng, trầm trọng, chị đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Lý Văn T.

- *Về con chung*: Chị P xác định quá trình chung sống chị và anh Lý Văn T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, đất đai chung*: Chị P xác định quá trình chung sống chị và anh Lý Văn T có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị P xác định quá trình chung sống chị và anh Lý Văn T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**\* *Tại Biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Lý Văn T trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Ninh Thị P chung sống với nhau từ ngày 26/02/2011 đến nay, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Việc anh và chị P chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống anh và chị P sống hạnh phúc bình thường đến tháng 9 năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách giữa anh với chị P không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau và không tôn trọng nhau. Tháng 3/2019 chị P tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, từ đó đến nay anh và chị P cũng sống ly thân nhau, không ai còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương gì đến nhau nữa. Anh xác định không còn tình cảm với chị P, mâu thuẫn giữa anh với chị P đã căng thẳng, trầm trọng. Anh nhất trí đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị Ninh Thị P.

- *Về con chung*: Anh T xác định quá trình chung sống anh và chị Ninh Thị P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, đất đai chung*: Anh T xác định quá trình chung sống anh và chị Ninh Thị P có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Anh T xác định quá trình chung sống anh và chị Ninh Thị P không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị P và anh T cùng vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị P và anh T cùng giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ngày 06/4/2021 kết quả như sau: Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2011 đến nay (ngày 06/4/2021) không thể hiện việc chị Ninh Thị P có đăng ký kết hôn với anh Lý Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong

quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ninh Thị P về việc đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ninh Thị P với anh Lý Văn T. Ngoài ra còn đề nghị trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ninh Thị P và anh Lý Văn T chung sống với nhau từ ngày 26/02/2011 đến nay, trước khi chung sống anh chị được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là không hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”.

Như vậy, chị P và anh T chung sống với nhau từ ngày 26/02/2011 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thực tế chị P và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân nhau chị P và anh T không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa, vì vậy chị P làm đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Lý Văn T. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh T. Xét thấy yêu cầu của chị Ninh Thị P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xử không công nhận chị Ninh Thị P và anh Lý Văn T là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. *Về con chung*: Chị Ninh Thị P và anh Lý Văn T cùng xác định quá trình chung sống anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, đất đai chung*: Chị Ninh Thị P và anh Lý Văn T cùng xác định có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. *Về vay nợ chung*: Chị Ninh Thị P và anh Lý Văn T cùng xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Ninh Thị P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Ninh Thị P và anh Lý Văn T là vợ chồng.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ninh Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004457 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Ninh Thị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Lý Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Về quyền kháng cáo: Chị Ninh Thị P và anh Lý Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã P (Để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Đức Tùng**